

Bản án số: **343** /2024/HS-ST

Ngày: 12/11/2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Ông Trần Công Hách

tòa:

Bà Nguyễn Thị Cờ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 310/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2024 đối với:

1. Bị cáo: Hà Thị Mai Q- sinh năm 1992; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKKHKT **và chỗ ở:** Số E đường Y, phường N, quận B, Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ **học vấn:** 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Hà Văn Q1 **và** bà Nguyễn Thị T; Chồng: Trần Văn T1; Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 000000*** do Công an Quận Đ lập ngày 03/7/2024; Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ và tạm giam từ ngày 26/6/2024; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H (Có mặt). **2. Bị cáo: Dương Ngọc S-** sinh năm 1993; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: Số F phố N, phường N, quận B, Hà Nội; Chỗ ở: Phòng 101 nhà số A phố T, phường H, quận Đ, Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ **học vấn:** 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Dương Danh N(đã chết) và bà Vũ Thị T2; Vợ: Trần Thị Trang H(đã ly hôn); Con: Có 01 con, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 000000*** do Công an quận Đ lập ngày 03/7/2024 thì bị cáo có nhân thân như sau:

+ Ngày 30/7/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 30 tháng tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy (đã thi hành án phí, đã được xóa án tích).

+ Ngày 13/3/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đ ra Quyết định khởi tố bị can số 175/CQĐT đối với Dương Ngọc S về tội Cố ý gây thương tích. Ngày 19/4/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đ ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 02/CQĐT đối với Dương Ngọc S về tội Cố ý gây thương tích.

+ Ngày 25/8/2020, bị Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 16 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng (đã thi hành án phí ngày 25/8/2020 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/5/2021, đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2024; Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an quận Đ (Có mặt).

3. Họ và tên: Nguyễn Hữu P- sinh năm 1977; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKT và chỗ ở: Số B phố P, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Nguyễn Hữu T3(đã chết) và bà Đỗ Thị H1; Vợ: Nguyễn Thị Cẩm T4; Con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 000000*** do Công an quận Đ lập ngày 21/8/2024 thì bị cáo có nhân thân như sau:

+ Từ năm 2012 đến năm 2019, có 03 tiền sự về các hành vi Bắt đi cai nghiện bắt buộc, Cố ý gây thương tích.

+ Ngày 11/4/1997, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách 36 tháng về tội Trộm cắp tài sản (đã thi hành án phí và thi hành khoản truy thu ngày 28/11/1997; đã xóa án tích).

+ Ngày 30/10/2003, bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách 15 tháng về tội Đánh bạc (đã thi hành án phí ngày 13/01/2004; đã được xóa án tích).

+ Ngày 01/3/2019, bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã thi hành án phí ngày 03/9/2019; chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/9/2019; đã được xóa án tích).

+ Ngày 20/5/2020, bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã thi hành án phí ngày 20/5/2020; chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/5/2021; đã được xóa án tích).

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2024; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H. (Có mặt)

4. Họ và tên: Phan Thành T5 (tức B)- sinh năm 1984; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKT và chỗ ở: Số I phố H, phường H, quận H, Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:

Không; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Phan Mai T6(đã chết) và bà: Nguyễn Thanh V; Vợ: Vũ Hoàng H2; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 000000*** do Công an Quận Đ lập ngày 15/9/2024; Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người bị hại:

Chị Chu Thị Kim N1, sinh năm 1988

Trú tại: Số B L, phường N, quận L, thành phố Hà Nội(Vắng mặt)

Đại diện ủy quyền là bà Ngô Thị Kim T7, sinh năm 1962 (Mẹ đẻ)

Trú tại: Số B L, phường N, quận L, thành phố Hà Nội (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/5/2024, Trần Văn T1(tức Ộp, sinh năm 1986) là chồng của Hà Thị Mai Q(sinh năm 1992; Trú tại số E đường Y, phường N, quận B, Hà Nội bị Công an quận L bắt về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hà Thị Mai Q và Dương Ngọc S (sinh năm 1993; trú tại số F phố N, phường N, quận B, Hà Nội nghi ngờ cho chị Chu Thị Kim N1(sinh năm 1988; Trú tại số B L, phường N, quận L, Hà Nội là người báo cho Công an để bắt T1(Ộp) nên giữa Q và S đã bàn bạc, thống nhất: S đi tìm, bắt và đưa chị N1 về cho Q để Q tra hỏi làm rõ việc chị N1 có báo cho Công an để bắt T1(Ộp) không. Sau khi thống nhất với Q, S nói cho Nguyễn Hữu P(sinh năm 1977; Trú tại số B phố P, phường H, quận H, Hà Nội và Phan Thành T5(tức “Bê”, sinh năm 1984; Trú tại số I phố H, phường H, quận H, Hà Nội về việc chị N1 đã báo Công an bắt T1(Ộp) là vợ của Q và là bạn xã hội với S P T5. S nói sẽ bắt chị N1 mang đến để cho Q tra hỏi, **thì được P và T5 đồng tình ủng hộ**. Sau đó, S **đã liên lạc và chửi nhau qua điện thoại** với chị N1 và anh Phạm Nguyên T8 (sinh năm 1987; Trú tại số B phố H, phường N, quận B, Hà Nội là bạn trai của chị N1

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 25/6/2024, S đang ở nhà Nguyễn Hữu P thì thấy P nói chuyện điện thoại với chị N1, S biết được chị N1 hẹn gặp P ở phố N, Đ, Hà Nội. Thấy vậy, S nhất quyết đòi P cho đi cùng (với mục đích bắt chị N1 đưa về nhà Q để Q xử lý), P đồng ý. Trước khi đi S có nhắn tin, gọi điện cho Phan Thành T5 hẹn T5 ra phố N để đánh nhau, T5 trả lời đang đi có việc khoảng 10 phút nữa mới đến được. Khoảng 17 giờ ngày 25/6/2024 P điều khiển xe máy chở S đi đến gần trước cửa quán C1 (địa chỉ số F phố N, phường V, quận Đ, Hà Nội. **Khi đến nơi**, S xuống xe và bảo P “anh xuống trước đi, em đứng đây đợi”. P điều khiển xe máy đi được khoảng 03m (trước quán C1 chị N1 đang ngồi trong quán cà phê. L Vẫy tay gọi P. Thấy vậy, S đi đến và vào trong quán cà phê hô lớn “con chó đây rồi, có trốn được nữa không”, **S xông** đến chỗ chị N1 ngồi rồi dùng tay trái kéo tay trái chị N1 tay phải túm phía sau

cổ áo chị N1 kéo chị N1 ra khỏi quán cà phê và đẩy lên xe máy của P đang đứng đợi ở ngoài trước cửa quán C1 P ngồi trước điều khiển xe máy, chị N1 ngồi giữa, S ngồi sau. P điều khiển xe máy chở chị N1 và S đi khoảng 01 phút. Do chị N1 phát hiện quên túi đồ nên P điều khiển xe máy chở chị N1 và S quay lại quán cà phê. S và chị N1 gọi vào trong quán cà phê xin lại túi đồ thì chị Phạm Thị H3 (sinh năm 1970; Trú tại xã H, huyện N, Hải Dương là **nhân viên của quán** cà phê mang túi nilon màu trắng ở trong quán cà phê ra. **Lúc này**, Phan Thành T5 đi cùng với Đ và Q2(không rõ tên, tuổi, địa chỉ) đến nơi. S bảo T5 vào cầm lấy chiếc túi nilon **đựng đồ của chị N1 còn** P điều khiển xe máy chở chị N1 và P đi trước, T5 bảo Đ chở T5 và Q2 đi xe máy phía sau. P chở N1 về đến nhà Q(số E đường Y, phường N, quận B, Hà Nội. S đưa chị N1 vào trong nhà. Tại đây, giữa Q và chị N1 xảy ra xô sát đánh nhau. Do sợ ảnh hưởng đến người nhà nên Q đuổi chị N1 đi ra ngoài. Khi nghe thấy chị N1 chửi mình nên Q đuổi theo và dùng hai tay túm tóc chị N1 giật ngược lại phía sau. Chị N1 bỏ đi xuống dốc phố H thì **P điều khiển xe máy chở S đuổi theo bắt ép chị N1 lên ngồi giữa xe máy rồi đưa chị N1 đến nhà P tại địa chỉ số B P, phường H, quận H, Hà Nội**. Khi đến nơi, S đưa chị N1 lên căn phòng tại tầng 4 nhà P **còn P đi xe máy** quay lại đón T5 (**vì lúc này các bạn của T5 là Đ và Q2 đã đi về**). Sau đó, Q nhắn tin cho S hỏi “Nó (tức chị N1 ở đâu rồi để chị qua”, S trả lời “Phùng Hưng, để em bảo anh “Bê” đến đón nhé” nhưng Q bảo tự đi đến. Khoảng 18 giờ cùng ngày (25/6/2024), Q đến tầng 4 nhà P. **Tại đây, có các đối tượng S T5 “Bê”, P đang trông giữ chị N1**. Q tiếp tục hỏi N1 “Có phải lần trước mày đã zích trượt chồng tao 01 lần rồi phải không?”. Lúc này, T5 có nói “Việc đó xảy ra lâu rồi, nói luôn vào việc lần này, mày có bằng chứng gì là cái N1 zích chồng mày không thì đem ra”. Ngân trả lời “không phải tao zích chồng mày”. P liền nói “Tầm này nó cãi bậy cãi biến, cứ đợi chồng mày xử xong thì hỏi biết ngay, lúc ấy nó không cãi được nữa”. Q đã xông đến dùng tay chỉ thẳng và tát vào mặt chị N1 nhưng chị N1 dùng tay đỡ và được S can ngăn, Q bỏ đi về. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, chị N1 được S cho về.

Đến khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày (25/6/2024), chị N1 đến Công an phường V trình báo.

Tại Cơ quan điều tra, chị N1 khai nhận: Tại tầng 4 số 29 P S ép chị N1 phải gọi điện cho anh T8 nhưng chị N1 không gọi. S lấy trong ví nam cầm tay ra một vật gì đó dạng giống súng chĩa vào chân chị N1 ép chị N1 phải mở mặt khẩu điện thoại nhưng chị N1 không mở, S liền hướng súng về phía chiếc gối trong phòng bóp cò và phát nổ. Ngoài ra, chị N1 còn trình bày bị mất tài sản để trong túi nilon gồm: 01 ví da nữ màu ghi, trong ví có căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế, 04 thẻ ngân hàng đều mang tên chị N1 và khoảng 11.000.000 đồng, 01 áo sơ mi cộc tay caro màu nâu đỏ. Khi T5 mang lên cho chị N1 chỉ có mỗi áo sơ mi cộc tay caro màu nâu đỏ.

Trong các ngày 26/6/2024 và 15/8/2024, các đối tượng Hà Thị Mai Q Dương Ngọc S Nguyễn Hữu P bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đ bắt giữ. Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng Hà Thị Mai Q Dương Ngọc S Nguyễn Hữu P và Phan Thành T5 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các đối tượng P và T5 “Bê” khai: Sau khi được S kể lại việc Q và S nghi chị N1 đã báo Cơ quan Công an bắt chồng Q (là T1 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên S sẽ bắt, giữ chị N1 về để cho Q tra hỏi, thì P và T5 đều đồng ý và hỗ trợ S Q trong suốt quá trình bắt giữ chị N1. Khi bắt, giữ chị N1 tại căn phòng trên 4 của nhà P thì các đối tượng khẳng định S không sử dụng vật gì giống súng để đe dọa, bắn phát nổ như lời khai của chị N1.

Tại Cơ quan điều tra, T5 khai khi được S bảo cầm chiếc túi nilon của chị N1 từ chị H3 là nhân viên quán Caphe Linh A thì T5 thấy túi nhẹ nhưng không kiểm tra bên trong nên không biết có những tài sản gì. Sau đó, T5 cầm chiếc túi nilon đi theo nhóm của S P trong suốt quá trình bắt giữ chị N1 rồi đưa lại cho chị N1 tại căn phòng trên tầng 4 của nhà P. Do đó, không có căn cứ để xem xét xử lý T5 và các đối tượng liên quan về hành vi chiếm đoạt tài sản của chị N1 như lời khai báo của chị N1.

Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của chị N1 ngày 26/6/2024 tại Công an phường V xác định: 01 vết bầm tím có đường kính khoảng 05cm ở trên bắp tay phải. Theo chị N1 khai nhận vết thương này có từ trước.

Ngày 26/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đ tiến hành khám nghiệm hiện trường tại căn phòng tầng 4 nhà số B phố P, phường H, quận H, Hà Nội. Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra không phát hiện có dấu vết súng và có đồ vật gì giống khẩu súng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ được hình ảnh C được truy xuất từ Camera tại số nhà F phố N, phường V, quận Đ, Hà Nội. Có nội dung ghi nhận lại hình ảnh về việc S bắt, giữ chị N1.

Ngày 26/6/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đ tiến hành khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của các đối tượng Nguyễn Hữu P và Dương Ngọc P. Quá trình khám xét, Cơ quan điều tra không phát hiện thu giữ gì.

Đối với các đối tượng Đ và Q2. Tại Cơ quan điều tra, T5 khai không biết gì về thông tin của những người này, T5 chỉ nhờ chở đến N và Y nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác định, làm rõ để xử lý.

Vật chứng vụ án

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ những tài sản gồm:

- Thu giữ của Dương Ngọc S: 01 điện thoại Samsung màu trắng.
- Thu giữ của Hà Thị Mai Q: 01 điện thoại Nokia màu xanh.
- Thu giữ 01 USB có chứa hình ảnh được truy xuất từ Camera tại số nhà F phố N, phường V, quận Đ, Hà Nội (nội dung ghi nhận lại hình ảnh về việc S

bắt, giữ chị N1) do Phạm Thị H3 (sinh năm 1970; Trú tại xã H, huyện N, Hải Dương giao nộp.

Tại Cáo trạng số 312/CT-VKS ngày 07/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Đ đã truy tố bị cáo Hà Thị Mai Q, Dương Ngọc S, Nguyễn Hữu P Phan Thành T5 về tội Bắt, giữ người trái pháp luật, theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đ giữ nguyên quan điểm truy tố nêu trên và đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Hà Thị Mai Q từ 14 đến 18 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Dương Ngọc S từ 12 đến 16 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Hữu P từ 12 đến 16 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Phan Thành T5(tức B từ 10 đến 14 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chưa có yêu cầu về bồi thường thiệt hại. Dành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác cho người bị hại khi có yêu cầu.

Đại diện ủy quyền của người bị hại có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật và không cung cấp tài liệu chứng cứ yêu cầu bồi thường và cũng không nêu yêu cầu bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Q bị cáo Sdo có liên quan đến hành vi phạm tội.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Đ và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo Hà Thị Mai Q Dương Ngọc S Nguyễn Hữu P Phan Thành T5 (tức B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, vật chứng thu được của vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Do nghi ngờ chị Chu Thị Kim N1 là người báo cho Cơ quan Công an để bắt Trần Văn T1 (là chồng của Hà Thị Mai Q) về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy nên giữa Q và S đã bàn bạc với nhau là S sẽ đi tìm, bắt và đưa chị N1 về để cho Q tra hỏi làm rõ việc chị N1 có báo cho Công an để bắt T1 (ốp) không. Sau đó, S có nói cho Nguyễn Hữu P và Phan Thành T5 (tức Bê) biết về việc bắt, giữ chị N1 để Q tra hỏi thì được các đối tượng P T5 đồng tình ủng hộ.

Khoảng 17 giờ ngày 25/6/2024, tại quán C1 (địa chỉ số F phố N, phường V, quận Đ, Hà Nội. Dương Ngọc S Nguyễn Hữu P và Nguyễn Thành T9 đã có hành vi bắt, giữ chị Chu Thị Kim N1 đưa về nhà Hà Thị Mai Q (địa chỉ tại số E đường Y, phường N, quận B, Hà Nội để Q tra hỏi. Sau đó, các đối tượng tiếp tục đưa chị N1 về căn phòng trên tầng 4 nhà của Nguyễn Hữu P (địa chỉ số B P, phường H, quận H, Hà Nội để tiếp tục tra hỏi. Tại đây, Q có hành vi đe dọa và dùng tay tát chị N1. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, thì S và các đối tượng cho chị N1 về. Sau đó, chị N1 đến Công an phường V trình báo.

Hành vi của các bị cáo Hà Thị Mai Q Dương Ngọc S Nguyễn Hữu P Phan Thành T5 (tức Bê) đã phạm vào tội Bắt giữ người trái pháp luật. Tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

[3]. Về trách nhiệm hình sự và hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, xâm hại đến quyền tự do, sức khỏe của người khác. Do vậy cần phải có một hình phạt nghiêm nhằm răn đe để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Khi thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, phân công cụ thể. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy cần phải phân hóa vai trò của từng bị cáo:

+ Bị cáo Hà Thị Mai Q giữ vai trò chính trong vụ án, là người khởi xướng, xúi giục bị cáo S bắt giữ người bị hại. Đồng thời chỉ đạo các bị cáo còn lại đưa người bị hại về nơi ở của bị cáo P. Bị cáo phạm tội với với lỗi cố ý trực tiếp. Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để có căn cứ áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

+ Bị cáo Dương Ngọc S giữ vai trò đồng phạm chính với bị cáo Q trong vụ án. Bản thân bị cáo là người nêu ra ý tưởng bắt giữ người bị hại để cho bị cáo

Q xử lý. Bị cáo rất tích cực cùng các bị cáo còn lại đưa người bị hại về nơi ở của bị cáo Q bị cáo P. Bị cáo phạm tội với với lỗi cố ý trực tiếp. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét nhân thân bị cáo S có 05 tiền án tuy đã được xóa án tích nhưng cũng được coi là nhân thân xấu. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội để có căn cứ áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

+ Bị cáo Nguyễn Hữu P giữ vai trò đồng phạm trong vụ án, là người giúp sức tích cực cho bị cáo S và cũng hưởng ứng việc bắt giữ người bị hại. Bị cáo tham gia vụ án với vai trò xuyên suốt từ đầu đến cuối vụ án. Bị cáo còn đồng ý đưa người bị hại về nơi ở của bị cáo để cho bị cáo Q xử lý. Bị cáo phạm tội với với lỗi cố ý trực tiếp. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét nhân thân bị cáo P có 03 tiền sự và 05 tiền án tuy đã được xóa án tích nhưng cũng được coi là nhân thân xấu. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải và đã ra đầu thú để có căn cứ áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

+ Bị cáo Phan Thành T5 giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, bị cáo có hành vi hưởng ứng việc phạm tội của bị cáo S trong việc bắt giữ người bị hại. Mặc dù bị cáo không có lời nói hay hành vi đe dọa gì đối với người bị hại. Bị cáo phạm tội với với lỗi cố ý. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự (Trích lục tiền án, tiền sự do Công an thành phố H cung cấp ngày 20/9/2024 thì năm 2017 bị cáo bị Công an phường T xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tuy nhiên theo biên bản xác minh lập ngày 19/9/2024 đối với Công an phường T thì không phát hiện thông tin vụ việc Công an phường xử lý đối với bị cáo). Do đây là lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng nên được coi là tình tiết có lợi cho bị cáo. Bị cáo sau khi phạm đã khai báo thành khẩn, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã ra đầu thú để có căn cứ áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại trong quá trình điều tra và xét xử chưa có yêu cầu bồi thường thiệt hại và cũng không giao nộp tài liệu chứng cứ về yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đại diện ủy quyền của người bị hại có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ yêu cầu bồi thường và cũng không nêu yêu cầu bồi thường. Do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Dành quyền khởi kiện cho người bị hại khi có yêu cầu.

Về xử lý tang vật: Tịch thu sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Q bị cáo S do có liên quan đến hành vi phạm tội.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Hà Thị Mai Q Dương Ngọc S Nguyễn Hữu P Phan Thành T5 (tức B)** phạm tội “**Bắt giữ người trái pháp luật**”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Hà Thị Mai Q 18 (mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/6/2024.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Dương Ngọc S 12 (mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/6/2024.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Hữu P 12 (mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/8/2024.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Phan Thành T5(tức B 10 (mười)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ Điều 30, 135, 136, 331, 333, 336, 337 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại trong quá trình điều tra và xét xử chưa có yêu cầu bồi thường thiệt hại và cũng không giao nộp tài liệu chứng cứ về yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đại diện ủy quyền của người bị hại có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ yêu cầu bồi thường và cũng không nêu yêu cầu bồi thường. Do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Dành quyền khởi kiện cho người bị hại khi có yêu cầu.

Về xử lý tang vật: Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, mặt trước bị vỡ kính, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng và nội dung bên trong; 01 điện thoại di động S1 Fold 5 màu trắng, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng và nội dung bên trong. Theo biên bản giao nhận vật chứng số 01 ngày 8/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Đ;
- Công an quận Đ;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Đ;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN CÔNG HÁCH

